

Ba Mối Tình

Roméo - Juliette

Lương Sơn Bá - Chúc Anh Đài

Trương Chi - My Nương

Mỗi nền văn hóa đều có bản sắc riêng. Mỗi dân tộc đều tự hào về truyền thống văn hóa của mình.

Để nhận thức được nét đặc thù *mang tính nhân bản*, hiện thực trong tình yêu trai gái Việt, chúng ta cần so sánh ba mối tình điển hình ở ba vùng đất có ba dòng văn hóa khác nhau: đó là mối tình Roméo - Juliette ở phương Tây, Lương Sơn Bá - Chúc Anh Đài ở Trung Quốc và Trương Chi - My Nương ở Việt Nam. Trước khi đối chiếu, chúng ta hãy xét qua đặc tính nội dung của ba mối tình nói trên:

Roméo - Juliette: Ngày xưa, vào thế kỷ XIV, tại thành phố Verona của nước Ý có hai gia đình quý tộc Montague và Capulet *hận thù nhau* từ thế hệ này qua thế hệ khác: mối bất hòa truyền kiếp thường khuấy động sự yên tĩnh của thành phố.

Roméo con trai của gia đình Montague yêu say đắm Rosaline kiều diễm mà hiểm ác, nhưng Rosaline chẳng đáp lại mối tình này. Roméo buồn tủi, trở nên lẩn thẩn thường đi lang thang một mình trên đường phố, hoặc tự giam mình trong căn phòng vắng vẻ.

Benvolio, bạn của Roméo đề nghị cả hai cải trang, bí mật tham dự buổi dạ hội hóa trang do gia đình Capulet tổ chức. Benvolio hứa sẽ giới thiệu với Roméo những thiếu nữ đẹp để thương hơn Rosaline nhiều.

Tối hôm đó gia đình Capulet tổ chức dạ hội để Bá tước Paris đến cầu hôn Juliette cho con trai mình: Juliette 13 tuổi, con gái duy nhất của Hầu tước Capulet. Trong đêm dạ hội, Roméo và Juliette vừa mới nhìn thấy nhau, tiếng sét ái tình đã làm cho hai người cảm mến nhau. Sau khi trao đổi những lời ái ân, đôi tình nhân hứa hẹn, thề nguyện quyết tâm kết hôn trong vòng bí mật.

Trong lúc đó, Tybalt, người anh bà con của Juliette, nhận ra giọng nói của Roméo. Tybalt cho rằng một người *thuộc gia đình thù nghịch*, không được mời mà lén đến tham dự dạ hội là một việc xúc phạm không thể tha thứ được. Anh ta hét lên, chạy tìm cây trường kiếm, nhưng Hầu tước Capulet trầm tĩnh, nghiêm khắc buộc hấn nên nhẫn nhịn. Tybalt giận dữ, cần nhand bỏ đi vừa thề rằng hấn sẽ chẳng dừng lại ở đây, nhất định không bỏ qua chuyện này.

Sau buổi dạ hội, Tybalt đi tìm Roméo để trừng phạt *kẻ thù* của gia đình. Khi gặp Roméo cùng đi với Mercutio và Benvolio, Tybalt thách Roméo đấu gươm. Roméo từ chối và gọi Tybalt là người anh em bà con.

Mercutio, người bạn nóng tính của Roméo lại nhận lời thách đố của Tybalt. Roméo định xông tới ngăn cản, nhưng Tybalt đã đâm chết Mercutio, bỏ đi với vẻ ngạo nghễ.

Roméo đau đớn. Giận dữ vì cái chết của người bạn thân, cho nên anh ta quên mất sự liên hệ quyến thuộc giữa kẻ sát nhân và người yêu của mình, mà chỉ nghĩ đến việc *báo thù* cho bạn.

Một trận so kiếm tay đôi xảy ra, thoáng chốc Tybalt đã ngã gục. Roméo bỏ trốn.

Trong khi Juliette đang phấn khởi, lòng tràn ngập niềm vui thì người hầu báo cho nàng biết Roméo đã giết chết Tybalt và Hoàng tử Ascalus đã ra lệnh cấm Roméo không được lai vãng trong thành Verona.

Hầu tước Capulet đang sửa soạn đám cưới của Juliette và Bá Tước Paris. Không biết trông cậy vào ai, Juliette chạy đến cầu cứu với linh mục Lawrence. Ông đề nghị Juliette uống một loại thuốc sẽ làm cho nàng có vẻ chết trong vòng 42 giờ. Trong khoảng thời gian này, linh mục Lawrence cho người đi Mantua tìm Roméo. Sau đó, linh mục và Roméo đến chỗ nhà mồ, nơi Juliette sẽ sống lại. Roméo sẽ đem nàng đi xa, linh mục sẽ công bố cuộc hôn nhân của đôi trẻ để họ có thể trở lại vui sống tại Verona. Juliette nhận uống liều thuốc.

Linh mục Lawrence cho người đi tìm Roméo, nhưng anh ta bị chặn lại bởi hàng rào y tế dựng ra trong thời gian bệnh dịch hoành hành.

Trong lúc đó, người hầu Balthazar của Roméo đến báo cho Roméo biết là Juliette đã chết, vì anh ta không biết kế hoạch của linh mục và Juliette. Roméo nhận được tin bèn đi mua thuốc độc để sẽ ngủ bên cạnh người yêu. Ngay chiều hôm đó, Roméo cấp tốc đến nhà mồ của gia đình Juliette. Bá tước Paris cũng đến nhà mồ.

Hai tình địch gặp nhau. Bá tước Paris ngăn cản không cho Roméo đến gần Juliette. Do đó hai chàng trai si tình đánh nhau. Paris tử thương gục xuống, còn van nài được đặt thi thể cạnh Juliette mà anh ta trót yêu tha thiết.

Tưởng Juliette đã chết thật. Roméo thề nguyện sống bên cạnh người yêu mãi mãi, nên uống liều thuốc độc rồi trút hơi thở cuối cùng bên cạnh Juliette.

Gần đến giờ Juliette tỉnh lại, linh mục đến nhà mồ, thấy gươm kiếm vứt bừa dưới đất, Roméo và Paris đều chết. Linh mục ghen ngào, lòng tràn ngập tiếc thương.

Juliette tựa mình, tỉnh lại, thấy người yêu nằm chết bên cạnh. Có tiếng người bên ngoài. Linh mục khuyên Juliette bỏ trốn, ông sẽ đưa nàng vào tu viện. Juliette từ chối, linh mục vội vàng bỏ đi. Juliette không do dự, cũng chẳng hề run sợ, dùng dao găm của Roméo tự sát, ngã xuống trút hơi thở cuối cùng trên thi hài của người yêu.

Lương Sơn Bá - Chúc Anh Đài:

Ngày xưa, theo truyền thống Trung Hoa con gái không được đi học. Chúc Anh Đài giả trai, từ giả cha mẹ, đến nhà thầy để cùng học với những nam sinh khác.

Trong lúc chung sống, học hành, vui đùa dưới mái trường, Lương Sơn Bá và Chúc Anh Đài trở thành đôi bạn thân.

Trong ba năm sống bên nhau, Lương Sơn Bá vô tình cứ ngỡ rằng Chúc Anh Đài là người bạn trai thân mến, nhưng Chúc Anh Đài lại tha thiết yêu thầm người bạn học của mình.

Một hôm, được tin mẹ đau nặng, trước khi lên đường về quê nhà, Chúc Anh Đài nhờ sư mẫu trao cho Lương Sơn Bá viên ngọc bích với lời tạ từ hứa hẹn hôn ước.

Tin mẹ đau chỉ là cái cớ để Chúc Anh Đài sớm trở về quê nhà. Cha mẹ Chúc Anh Đài ép buộc gả nàng cho Mã Vân Tài, con một gia đình giàu có, danh vọng đầy thế lực.

Gia đình Lương Sơn Bá đến cầu hôn, bị từ chối. Chàng thất vọng ra về với nỗi lòng chán chường. Chúc Anh Đài gửi tặng người yêu mớ tóc xanh đầy ý nghĩa gắn bó.

Đau buồn vì nhớ nhung, tuyệt vọng, sức khoẻ ngày càng hao mòn, nhuộm bệnh rồi thổ huyết chết trong vòng tay mẹ già.

Chúc Anh Đài bằng lòng lên xe hoa với điều kiện trên đường về nhà chồng, phải cho nàng dừng chân viếng mộ Lương Sơn Bá.

Lễ vu quy, pháo nổ vang trời, kiệu hoa dừng trước mộ người yêu. Trong khi nàng đang tưởng nhớ người yêu chung tình, mây đen bỗng dưng vần vũ mịt trời, sét đánh vỡ ngôi mộ làm đôi. Chúc Anh Đài nhảy xuống với niềm hy vọng gặp lại người yêu dưới suối vàng. Cả hai hóa thành đôi bướm liền cánh bay lên trời cao.

Trương Chi - My Nương

Mị Nương thường ngồi bên cửa sổ ngắm nhìn bầu trời bao la cùng cảnh vật. Một hôm bỗng nghe tiếng sáo du dương trầm bổng quyện theo làn gió, làm lòng nàng xao xuyến rung cảm.

Từ dạo ấy, hàng ngày nàng lắng nghe tiếng sáo trữ tình, quyến rũ vang lên từ thuyền câu lững lơ trôi theo dòng nước.

Từ xa, Mị Nương không nhìn rõ gương mặt, hình dáng của người nghệ sĩ tài hoa. Với trí tưởng tượng của cô gái đến tuổi dậy thì, xuân tình vừa chớm nở, nàng thêu dệt hình ảnh người tình lý tưởng với vẻ đẹp hào hoa phong nhã.

Rồi một hôm nàng không còn nghe tiếng sáo êm dịu từ dòng sông vọng lên. Tự nhiên cảm thấy buồn buồn, âm thầm thương nhớ người nghệ sĩ và tiếng sáo truyền cảm.

Ngày qua ngày, chờ đợi trong vô vọng nàng ngã bệnh tương tư, buồn rầu, xanh xao, gầy ốm, rồi bệnh tình mỗi ngày mỗi nặng. Nhiều lương y được mời tới nhưng bệnh tình của nàng không thuyên giảm.

Một buổi sáng, mọi người đều ngạc nhiên, vui mừng khi thấy Mị Nương tự nhiên tươi thắm trở lại như đã uống được thuốc tiên. Không ai biết được đó là nhờ con thuyền nhỏ quay lại trên sông với tiếng sáo hòa vang trong gió.

Cô hầu gái của Mị Nương là người duy nhất biết rõ câu chuyện, bèn trình cho cha Mị Nương biết mối tình đơn phương của Mị Nương. Cụ ông cho người mời chàng nghệ sĩ tài hoa đến nhà để Mị Nương gặp mặt.

Khi nhìn thấy dung mạo xấu xí của người tình trong trí tưởng tượng, nỗi hoài vọng chợt tắt lịm, lòng chùng xuống. Mị Nương đành chôn sâu mối tình đầu tận đáy lòng.

Trái lại, thoáng thấy vẻ đẹp kiều diễm của Mị Nương, Trương Chi đắm hồn trong ánh mắt của giai nhân. Khi quay về với thực tại, biết đây chỉ là mối tình tuyệt vọng. Trương Chi lão đảo ra về.

Nhớ nhung, buồn rầu tương tư, sức khoẻ ngày càng yếu dần, rồi trút hơi thở cuối cùng.

Mấy năm sau, gia đình Trương Chi bốc mộ chàng, ngoài xương cốt còn thấy một viên ngọc thật đẹp (một hòn đá quý): *mối tình mang xuống thuyền dài chưa tan* (Kiều, câu 710)

Biết được việc lạ đó, cha Mị Nương tìm đủ mọi cách mua viên ngọc quý và cho thợ tiện thành “chung trà” rất mỹ thuật. Điều kỳ lạ là mỗi khi rót trà vào, hình ảnh người nghệ sĩ đang chèo thuyền hiện lên dưới đáy chung trà.

Mị Nương muốn nhìn thấy tận mắt. Tự tay rót trà vào chung thì lập tức hình ảnh người nghệ sĩ tài hoa hiện lên, khoan thai đang chèo chiếc thuyền nhỏ, lững lờ trôi dưới đáy chung trà.

Hình ảnh chung tình đã làm chi Mị Nương nhận ra được “thực tướng” của Trương Chi. Cảm động vì xúc cảm mạnh, nước mắt tuông trào. Những giọt lệ chân tình rơi xuống chung trà, ngọc liền tan biến thành nước, hòa cùng với những giọt lệ chân tình và nước trà. Tất cả hòa thành một khối đồng thể: “nước.”

So Sánh:

Roméo - Juliette

Trong tâm trạng thất tình dở sống dở chết, Roméo đi tìm gái đẹp trong hội hóa trang của giới thượng lưu quý tộc, xa rời đời sống của đại chúng. Mối tình lãng mạn và táo bạo giữa Roméo - Juliette phát sinh từ *bản năng tình dục*, qua tiếng sét ái tình, do yếu tố bên ngoài (vẻ đẹp kiều diễm quyến rũ và dáng hào hoa phong nhã) thúc đẩy nên thiếu vắng tình người: Mối tình lãng mạn do đó, tình cảm thường thay đổi bất thường, đôi khi lạnh lùng tàn nhẫn để đưa đến giải pháp sau cùng là tan rã hận thù. Khi cần đến tình người, họ thường an trú cầu xin nơi thiêng liêng, tin tưởng vào sự mâu nhiệm, sản phẩm tưởng tượng của chính con người đặt để vẽ vờ.

Mối tình lãng mạn tiêu biểu cho văn hóa Tây phương mang đầy dấu ấn của nếp sống văn hóa du mục: cá nhân chủ nghĩa, phân chia giai cấp, hận thù (giữa gia đình Montague và Capulet) ích kỷ, hiếu chiến (đấu gươm) và chiếm đoạt.

Roméo và Juliette luôn luôn ở trong trạng thái tâm thần an trú dưới sự che chở, hướng dẫn của ánh sáng đức tin tôn giáo.

Mối tình qua tiếng sét ái tình, thiếu vắng tinh thần tự chủ, kết thúc vô cùng bi đát bất hạnh với đấu gươm để chiếm hữu: máu, thuốc độc, tự sát bằng dao găm...; chết là hết, bế tắc không lối thoát nên không hàm chứa được một ý nghĩa hiện thực nào để đóng góp cho nhân sinh trên góc độ nhân bản.

Lương Sơn Bá - Chúc Anh Đài

Lịch sử cho chúng ta biết văn hóa Trung Quốc là văn hóa tổng hợp giữa văn hóa du mục và văn hóa nông nghiệp.

Tổ tiên người Trung Hoa sống đời sống du mục trên các đồng cỏ phía tây Bắc sông Hoàng Hà. Khi chiếm vùng châu thổ sông Hoàng Hà (Hạ - Thương - Chu) họ tiếp thu những yếu tố tích cực của *văn hóa nông nghiệp trồng khô* của dân bản địa.

Khoảng 200 năm trước tây lịch, Tần Thủy Hoàng diệt lục quốc, thống nhất Trung Hoa và cho quân vượt sông Dương Tử, chiếm trọn miền Nam đến Quảng Đông và Quảng Tây, dung nạp và dung hòa tinh hoa của văn hóa miền Nam, văn hóa nông nghiệp trồng lúa nước.

Tuy vậy, văn hóa Trung Hoa vẫn chưa chuyển hóa được những dấu ấn căn bản tiêu cực của nếp sống văn hóa gốc du mục: hiếu chiến, tham vọng chiếm hữu, nam nữ hữu biệt, nam nữ thụ thụ bất thân, độc tôn, nguyên tắc “dựa trên quân quyền, phụ quyền và nam quyền” để củng cố ngai vàng, duy trì địa vị thống trị.

Con người luôn luôn bị cưỡng ép trong môi trường xã hội bị điều kiện hóa bởi những nguyên tắc khô cứng phản tự nhiên, thiếu vắng tình người, không thích ứng với nhịp sống hiện thực sinh động.

Sống trong một xã hội với nhân sinh quan trọng nam khinh nữ, cấm đoán con gái đến trường học, Chúc Anh Đài phải giả trai, đến nhà thầy cùng học, cùng sống chung với những nam sinh khác.

“Xuân tình” của Chúc Anh Đài phát sinh, nảy nở không thuận lý theo thiên nhiên. Nàng sống trong “tâm cảnh” nửa trai nửa gái, dưới sức ép của một nền đạo lý thiếu vắng tình người. Cho nên, lối thoát của mối tình mất tự nhiên, bệnh hoạn - phát sinh trong trạng thái tâm cảnh trai không ra trai, gái không ra gái - giữa Chúc Anh Đài và Lương Sơn Bá là lối thoát gương ép trong vòng lẩn quẩn. Cho nên, muốn thoát kiếp người trong một xã hội thiếu vắng tình người để vươn lên lại trở thành thoái hóa, người hóa ra loài vật, với hình ảnh đôi bướm liên cánh (hòa hợp). Hình ảnh đẹp do điều kiện hóa bay lên trời cao, trở về với thiên nhiên, nhưng cũng chẳng được bao lâu với đời sống của đôi bướm.

Trương Chi - Mị Nương

Lối sống định cư hài hòa trong xóm làng (hòa cả làng) và cách làm ăn (trồng lúa nước) đã tạo cho dân tộc Việt Nam nhân sinh quan xem mọi người như là người thân trong gia đình, cùng một mẹ sinh ra, qua cách xưng hô chan chứa tình người rất thân thương (chú, bác, cô, dì...) với biểu tượng bọc trăm trứng nở trăm con (đồng bào).

“Tình người” từ trong gia đình lan ra hàng xóm láng giềng, trên đồng ruộng mở rộng đến môi trường xã hội, quốc gia dân tộc, một cách tự nhiên trong sáng.

Đạo lý của người Việt Nam là “thương người như thể thương thân”, với nếp sống lấy “tình nghĩa” làm đầu (một bồ cái lý không bằng một tí cái tình).

Khi con người đối diện với nhau, ứng xử trong tình người thì những quyết định, lựa chọn đều do chính bản thân hành xử, chứ không do động lực bên ngoài thúc đẩy, ép buộc.

Sống trong dòng văn hóa chan chứa tình người, các cô thôn nữ Việt, cũng như Mị Nương, tự quyết định trong việc chọn lựa người bạn đời của mình, không bị chi phối bởi những nguyên tắc đạo đức xã hội qua lăng kính giai cấp hoặc đẳng cấp như ở Trung Hoa, Tây phương, Ấn độ ...

Dù ở môi trường và hoàn cảnh nào, với tình người, họ biết sống yêu thương, đùm bọc, thẳng băng điều hòa, hóa giải những mâu thuẫn, nghịch lý dị biệt để gắn bó, hòa quyện, kết hợp, thể hiện sự hài hòa trong cuộc sống với định hướng thẳng hoa con người, ngõ hầu “tâm” con người thể nhập, hòa đồng với tâm vũ trụ: tâm người với tâm vũ trụ là một, giống nhau. (Cần thực hành xin xem Dưỡng Sinh Y Đạo Thái Hòa, Tủ Sách Việt Thường, năm 2004).

Mối tình Trương Chi Mị Nương không phát sinh từ bản năng tình dục, hay từ tâm cảnh “traí không ra trai, gái không ra gái” nó phát sinh từ sự phóng khoáng của tâm hồn tiếp nhận những cảm ứng đồng điệu, thích ứng với tình người, đưa đến sự hòa hợp, thẳng hoa và hòa đồng. Tiếng sáo là khoảng không gian hòa hợp hai tâm hồn. Âm thanh và tiết tấu vượt không gian và thời gian đi thẳng vào lòng người, gây cảm hứng làm cho tâm hồn cởi mở, thanh thoát.

Xuân tình của Mị Nương chớm nở tự nhiên, thuận lý theo thiên nhiên như hoa nở vào buổi sáng, nở là nở, không phải vì ai mà nở.

Trương Chi thổi sáo vì nguồn cảm hứng đối với sự mâu nhiệm của thiên nhiên đang được khơi dậy, chứ không phải thổi sáo để cho Mị Nương nghe.

Mị Nương ngồi bên cửa sổ ngắm nhìn bầu trời bao la với mây trôi, dòng sông uốn khúc, chứ không phải để đón nghe tiếng sáo của Trương Chi.

Buông thả tâm hồn theo cảnh vật quanh mình, bỗng nhiên nghe tiếng sáo vang trong gió.

Rồi ngày qua ngày, tiếng sáo êm ái, du dương, quyến rũ hòa quyện, theo làn gió làm run động tâm hồn Mị Nương, khiến cho xuân tình chớm nở một cách tự nhiên, dần dần trở thành tình yêu chân thật. Nói cách khác, tình yêu của Mị Nương phát sinh nảy nở do sự run động của tình cảm tự nhiên qua âm thanh và tiết tấu.

Mối tình Trương Chi - Mị Nương phát sinh một cách tự nhiên, thuận lý theo thiên nhiên, rồi chấm dứt cũng thật tự nhiên nhi nhiên, như hoa sen sáng nở, tối thu cánh lại để sáng hôm sau mở ra đón ánh sáng ban mai.

Tất cả - nước mắt chân tình của Mị Nương, nước ngọc chung thủy của Trương Chi và nước trà hòa quyện vào nhau thành một đồng thể (nước) như trong thiên nhiên. Tình yêu thăng hoa hòa đồng trở thành vĩnh hằng. Nước có thể bốc hơi thành mây, hội đủ điều kiện mây có thể thành mưa (nước). Sự sống bắt nguồn từ nước, nghĩa là khởi đi từ nước để có sự sống. Tất cả trở thành nước nói lên ý nghĩa đi từ đâu thì trở về đó, phô diễn tư tưởng cùng sinh, cùng tử, từ không cùng về.

“Nước” gọi lên hình ảnh bao trùm tất cả. Nước có mặt khắp nơi: trên bầu trời, trong lòng đất, trên mặt đất, trong con người, v.v... và v.v...

“Nước” bao hàm những đặc tính bất biến sinh động của vũ trụ, vạn vật muôn loài:

1- Vạn vật muôn loài luôn luôn chuyển động thay đổi và chuyển hóa. Ngôn ngữ của thời đại gọi là “lý vô thường”

2- Tính tương quan nhân quả: không phải tự nhiên hay ai đó làm cho nước *bốc hơi*, hay trở thành *thể rắn*: hội đủ điều kiện thì nước sẽ thành thể *khí*. Thay đổi yếu tố thì hơi nước trở thành thể lỏng (nước) và từ thể lỏng trở thành thể rắn khi hội đủ điều kiện.

3- Mặt khác, nước còn gọi lên đặc tính “không cố định” của vạn vật muôn loài.

4- Hơn nữa, nước có thể *uyển chuyển biến đổi* tùy theo các điều kiện tương hợp (thể khí, lỏng, rắn) nhưng *bản chất của nước vẫn thường hằng* (không thay đổi)

Như chúng ta đã biết từ rất sớm, từ thời cách mạng nông nghiệp trồng lúa nước, cách ngày nay khoảng 6,000 - 7,000 năm, tâm thức của cư dân Hòa Bình, tiền thân của dân tộc Việt Nam không thể không bận lòng vì nước.

Sống trong môi trường nước (sông ngòi chằng chịt như mạch máu, nhìn ra biển Đông) với nghề trồng lúa nước, tổ tiên người Việt không thể không học hỏi những đặc tính của nước: linh động, không cố định, không chấp chặt một dạng thức (tròn, dài) hay một thể chất nào (khí, lỏng, rắn) uyển chuyển, tiếp nhận tất cả, tự thanh lọc, cương nhu tùy thời v.v... và v.v....

“Nước, qua quá trình nghiệm sinh và nội tâm hóa của người Việt Nam, có lòng đại lượng, khoan dung. Nó thu nhận tất cả vào lòng nhưng đâu vì vậy mà nó trở thành vô nguyên tắc (Trần Quốc Vượng, sđd, tr 44).

“Tự mình, nước biết gạn đục khơi trong như là người Việt Nam vậy. Tiến sĩ H.R.Ferray cho rằng nét đặc thù của văn hóa Việt Nam là *tính cách không chối từ của nó*.

Thực ra, nó chỉ có một chối từ: sự đồng hóa cưỡng bức. Còn lại, nó tìm cách dung hóa và hội nhập mọi sở đắc văn hóa của Hoa, của Ấn, của Nam Đảo, của Âu tây... cả ngôn từ và kỹ thuật, cả tôn giáo và nghệ thuật...(sđd, tr 44) song vẫn luôn luôn duy trì nền tảng văn hóa, môi cảnh địa- nhân văn Đông Nam Á của chính mình (sđd, tr 24).

Thế cho nên người Việt đã đồng nhất không gian xã hội, cộng đồng lãnh thổ, tổ quốc của họ với nước, họ đã tự đồng nhất mình vì nước (Trần Quốc Vượng, sđd tr 42).

Trên thế giới có lẽ chỉ có người Việt Nam gọi quê hương mình là “Nước”: Nước Văn Lang, nước Việt Nam.

Có thể nói mối tình của Trương Chi - Mị Nương là mối tình hồn nhiên trong sáng thuận lý theo thiên nhiên, thanh thoát ưu việt, thăng hoa cùng vũ trụ.

Phải chăng Trương Chi - Mị Nương có thể là nhân vật hư cấu, không thực, nhưng tình yêu giữa trai gái Việt trong nếp sống nông nghiệp trồng lúa nước nảy nở phát triển hồn nhiên trong sáng, trai gái cởi mở, mạnh dạn nói lên tiếng nói của con tim đang rạo rức xuân tình chớm nở tự do chọn bạn đời lại là hiện thực. Tình yêu hiện thực thì tự do nó phát triển mỗi ngày, lòng tin yêu càng bền vững, tình yêu trở thành miên viễn.

Phải chăng chuyện không thực, hư ảo nhưng tư tưởng biến - hóa - thăng hoa - hòa đồng trong nền minh triết Việt lại là hiện thực?

Từ tình yêu hồn nhiên trong nền minh triết Việt lại trong sáng (nhân bản và hiện thực), vươn lên tạo sự quân bình giữa vật chất và tinh thần, thăng hoa đưa tâm hồn con người đạt đến trạng thái hội nhập, hòa đồng cùng vũ trụ qua quá trình: Biến - Hóa - Thăng Hoa - Hòa Đồng.

Trương Chi “chết” là biểu tượng cho “Biến” nhưng khối tình chung thủy mang xuống truyền đời vẫn chưa tan, trái tim chung tình của người nghệ sĩ tài hoa “Hóa” thành ngọc quý; những giọt nước mắt chân tình của Mị Nương khiến cho chung ngọc tan biến thành nước (Thăng hoa). Sự hòa đồng thể hiện ở chỗ nước mắt chân tình hòa quyện với nước ngọc chung thủy và nước trà thành một chất đồng thể (nước).

Tình yêu trở thành miên viễn, bất diệt, thường hằng như nước. Dù ở hình thức nào, bản chất của nước không bao giờ bị đánh mất.

Tình yêu hồn nhiên trong sáng luôn luôn *mang tình người* (nhân tính). **Tình người là cái bất biến ứng với vạn biến của đời sống con người.**

Những chuyện tình cốt lõi trong nền văn hóa Việt thường nói lên triết lý nhân sinh mang tính nhân bản, ưu việt vươn tới siêu thoát.

Trong truyện Mị Châu - Trọng Thủy, Mị Châu chết (biến) ở bờ biển, máu chảy xuống nước. Trai ở biển Đông ăn phải những giọt máu của Mị Nương mà có ngọc (hóa). Trọng Thủy chôn xác vợ, rồi tự tử chết ở giếng Loa Thành, thân xác tan trong nước. Sự hòa đồng được thể hiện ở chỗ ngọc trai biển Đông đem rửa với nước giếng Loa Thành thì ngọc trở nên “*trong sáng hơn*” (Xem truyện Mị Châu - Trọng Thủy - Đạo Sống Việt, NXB Tủ Sách Việt Thường, năm 2000, trang 395 - 414).

Trong chuyện trầu cau, người em cảm thấy từ khi anh có vợ, đối xử với mình không như xưa, buồn rầu rồi bỏ đi, đi mãi đến bờ sông lớn, không sao vượt qua được, nằm soài bên bờ sông, mệt mỏi, đói lạnh, rồi chết (biến) *hoá thành tảng đá vôi*.

Người anh đi tìm em, đến bờ sông, rồi cũng chết lả và *hoá thành cây cau*, cao vút trời xanh.

Vợ đi tìm chồng, tới bờ sông, ngồi dựa vào gốc cau, buồn rầu rồi cũng chết, *hoá thành giấy trầu*, quấn quýt lấy thân cây cau mà vươn lên.

Dòng đời là một chuỗi trùng trùng duyên hợp. Câu chuyện được thu gọn trong phạm vi gia đình, tình anh em, nghĩa vợ chồng, kết hợp hòa quyện với nhau một cách tự nhiên nhi nhiên, như vậy là như vậy. Vì một lý do nào đó, tách rời riêng lẻ từng thứ, từng loại (dù trong tư tưởng) thì tự nó biến dạng, suy thoái, bị hủy diệt.

Người em tách ra một mình, đi đến chỗ thoái, rồi bị hủy diệt (chết). Người anh bỏ nhà ra đi tìm em cũng chết, người vợ bỏ đi tìm chồng cũng chết. Tất cả đều chết (biến) rồi hóa thành “vôi, cau, trầu.”

Đá vôi riêng lẻ một mình vẫn là đá vôi; cây cau có cao vút trời đi nữa cũng vẫn là cây cau; dây trầu quấn quýt cây cau để vươn lên cũng vẫn là dây trầu. Nhưng nếu con người biết vận dụng khi “têm miếng trầu” đem tính chất của ba thứ vôi, trầu, cau kết hợp hòa quyện vào nhau, chúng sẽ chuyển hóa thành một thứ tổng hợp mới hài hòa trọn vẹn.

Sự hòa đồng được thể hiện ở hình ảnh đem vôi quệt vào trầu, nhai với cau kết thành miếng trầu mầu đỏ thắm (thăng hoa).

Tất cả quyện vào nhau (thăng hoa) rồi hòa đồng trong “nước trầu” màu đỏ thắm, nồng nàn. Máy ai thấy được cái riêng lẻ (vôi, trầu, cau) trong cái hòa đồng của “nước trầu” màu đỏ thắm chan chứa tình người.

Triết lý sống Việt không cần lý luận nhiều lời rườm rà như triết lý Tây phương, không cần nhiều triết gia, nhiều triết thuyết như triết lý Trung Quốc và Ấn Độ.

“Triết lý Việt Nam thường là triết lý vô ngôn (sđd, trang 305). Những yếu tính của nhân sinh quan dân tộc được tàng chứa trong Thiên Thư Vô Ngôn Của Trời Đất (thiên nhiên). Chỉ với những ẩn dụ, biểu tượng đơn giản mà hay (nhân bản) mà đẹp (hiện thực) mà màu nhiệm (thăng hoa, hòa đồng) mà đầy tình người, phổ cập trong tư tưởng, qua ca dao tục ngữ và ngay trong nếp sống hiện tại.

Cho nên “Đạo lý dân tộc không có kinh sách, không có Ngũ kinh hay Đại học - Luận ngữ - Mạnh tử - Trung dung, không có Kinh tạng hay Phật pháp. Phật học, không có Kinh Thánh hay sách giáo lý - giáo luật, chỉ có những câu có vần có điệu, dễ hiểu dễ nhớ, gợi hình gợi cảm, những chuyện truyền khẩu, những phong tục tập quán không hề bất biến, nghĩa là có thể tùy thời mà đổi, vứt bỏ đôi phong bại tục, vứt bỏ tư duy độc hại lỗi thời, để kiến tạo những con người mới, xã hội mới. Nhiều người cho là trống rỗng, nhưng chính cái rỗng không ấy, biểu tượng qua lũy tre làng, là cái *Tâm trống rỗng* để không dị ứng, không loại trừ, nhưng tiếp nhận tất cả, *Trung hòa tất cả*, nền văn hóa nào cũng hay, Triết lý nào cũng học, Tôn giáo nào cũng tốt. Đạo lý dân tộc là người chủ hiếu khách, nhưng đầy bản lĩnh và bao dung, đón tiếp tất cả để làm đẹp căn nhà Việt Nam, thoáng mát con người Việt Nam.

Đạo lý dân tộc không truyền qua tri thức mà truyền vào tâm thức Việt Nam từ mấy ngàn năm, kết tinh thành nền văn hiến. Trên nền văn hiến với Tâm Tre Trúc trống rỗng, không để lại gì có vẻ kỳ quan bên ngoài. Không có Vạn Lý Trường Thành hay Đế Thiên, Đế Thích, không đố người đố của để lưu danh vạn đại. Đạo lý dân tộc chỉ lo cho con cháu nên người, sống đúng đạo làm người. Cũng trên nền văn hiến ấy, con cháu xây dựng và phát triển một nền văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc với các truyền thống tốt đẹp, với nền văn minh tình thương và lễ phải, với cuộc sống tinh thần và vật chất tùy thời mà vươn lên” (Đông Phong - Bản Sắc Dân Tộc. NXB Đường Việt, năm 2000, tr 56 - 57).

Tổ tiên người Việt “biết để sống”, đem cái biết vào cuộc sống sinh động mà không chữ nghĩa hóa, hệ thống hóa cái biết thành triết thuyết gò ép, khô cứng trong sách vở để rao giảng, khó thích ứng theo nhịp sống hiện thực.

Tóm lại, tư tưởng “Biến - Hóa - Thăng hoa - Hòa đồng” thể hiện trong truyện Trương Chi - Mị Nương và trong các truyện Trọng Thủy - Mị Châu, Trầu Cau là viên ngọc quý lấp lánh ngời sáng, xếp hàng cùng những viên ngọc quý nhất trong kho tàng tư tưởng nhân loại.

Như chúng ta biết, vạn vật luôn luôn chuyển biến, con người cũng không qua qui luật này. Nhưng khác với muôn loài, con người có cái nhìn để thăng hoa, có nghĩa là trong giây phút trực diện và cảm nhận để “tự soi vào lòng” hay “trở về với chính mình”, chính lúc đó những sự việc chung quanh đã được “thể nghiệm” qua chính bản thân để rồi tạo cho mình sự hòa hợp “thân tâm” cùng sự hòa mình vào môi trường bên ngoài, chứ không “tách rời ra khỏi cuộc sống” để tìm thấy trạng thái an lạc.

An lạc ngay giây phút hiện tại trong cuộc sống hàng ngày mới đích thực là an lạc.

Tất cả những sinh động này xảy ra đồng nhịp trong mối tương quan có cái này tức có cái kia một cách linh động. Đó là giây phút linh cảm giữa con người và trời đất, và cũng là giây phút cảm ứng của sinh lực cơ thể với vũ trụ.

Người ta chụp hình, quay phim để giữ lại những hình ảnh đã qua, chứ thật ra mọi vật đi qua có lưu lại gì đâu, bởi nó không vì một cái gì, hay cho một cái gì; cho nên “*tánh khí*” của người Việt như dòng nước xuôi về biển cả, vừa giúp cho môi sinh, vừa biến, hóa, bốc hơi, thành mây, thành mưa, v.v.. và v.v... đã diễn dịch được sự cảm nhận yếu tính của nước và nền văn minh triết việt là “một”

*Mưa rơi rơi khắp đó đây
Nước trôi ra biển lại quay về nguồn.*

Nói cách khác, theo ngôn từ của thời đại, tư tưởng biến, hóa, thăng hoa, hòa đồng là quá trình của cuộc chuyển hóa tâm thức, một cuộc cách mạng triệt để trong tâm thức con người, một cuộc chuyển hóa thật sự về toàn bộ cơ cấu tâm lý con người (J. Krishnamurti). Đó cũng là hành trang của cuộc cách mạng tâm linh.

Nói thì phải dong dài Biến, Hóa, Thăng hoa, Hòa đồng như thế. Nhưng trên thực tế *hễ thấy là thấy trọn vẹn*, thấy “nguyên con” ngay trong giây phút hiện tại, không bị thời gian và không gian tâm lý chi phối.

Đó là giây phút trở về với chính mình trong tự tại. Cái thấy đơn thuần đó - nó thế nào thì thấy đúng như thế - chỉ thể nghiệm được qua chính mình (trăm nghe không bằng một thấy, trăm thấy không bằng một lần trải qua).

Thay đổi (biến), thay đổi cái nhìn thì toàn bộ (nhân sinh quan), vũ trụ quan, xã hội quan v.v.... thay đổi “tức thì”, thì thoát khỏi tâm trạng “kiến” “bò miêng chén”, gà què không còn “ăn quẩn cối xay”. Ông cha ta đã dạy “Anh trước tôi sau, quay lại cái đầu anh sau tôi trước”.

Tự nó thay đổi, chứ không phải do ý chí, ý muốn với lòng mong cầu. Cho nên khởi điểm của thay đổi (biến) là “trở về với chính mình” (trăm hay xoay vào lòng). Ngoài mình ra,

không ai có thể truyền cho mình nguồn sáng nội tâm của mình. Không thể tìm thấy sự hiện hữu tâm linh mình trong đôi bàn tay rộng mở của người khác.

Chiều sâu của tâm linh tương ứng với mức độ tự biết mình. “Tự biết mình”, nguồn sáng nội tâm tự thể hiện. Chính năng lực của nguồn sáng nội tâm giúp cho sự tỉnh thức bén nhạy, kịp thời ghi nhận những gì xảy ra trong tâm và chung quanh ta.

“Nó” thế nào ghi nhận (nhìn thấy, lắng nghe) đúng như thế là khởi điểm của cuộc chuyển hóa tâm thức. Nhìn thấy lắng nghe (ghi nhận) đóng một vai trò vô cùng quan trọng. “Chỉ khi người ta biết cách lắng nghe (nhìn thấy) một cách thoải mái và trung thực, không lắng nghe (nhìn thấy) qua những khao khát tham vọng của chính bản thân mình. Nghe (nhìn thấy) với tâm trạng thoải mái, không hề căng thẳng hay bị gò ép, bạn sẽ nhận thấy rằng có một thay đổi khác thường đang diễn ra trong lòng bạn, một sự thay đổi xuất hiện ngoài chủ ý của bạn, và trong sự thay đổi đó tồn tại một vẻ đẹp tuyệt vời và sự sáng suốt đến bất ngờ (J. Krishnamurti. Quyển sách của cuộc đời. NXN T.P. HCM, năm 2005, tr 18 - 19).

Nghệ thuật ghi nhận (nhìn thấy, lắng nghe) một cách thoải mái và trung thực đó còn gọi là *đơn thuần quan sát*.

Đơn thuần quan sát có nghĩa nhìn sự vật, lắng nghe ý nghĩ, phản ứng tâm lý, cơn giận, nỗi lo âu, sợ hãi, như là nó hiện thực, nó thế nào nhìn nó đúng như thế, nó là như vậy, không chọn lựa, không so sánh, không phê phán hoặc đánh giá, không đặt quan niệm, định kiến, thiên kiến của mình lên trên sự ghi nhận.

Tóm lại, đơn thuần quan sát là một tâm ý không phê phán, không can thiệp vào, nghĩa là lắng nghe trong im lặng tuyệt đối.

Phẩm tính này của tâm được diễn tả qua bài thơ “Con Cóc”

*Con cóc trong hang,
Con cóc nhảy ra.
Con cóc nhảy ra,
Con cóc ngồi đó.
Con cóc ngồi đó,
Con cóc nhảy đi.*

Một sự ghi nhận không thêm bớt một hình ảnh nào, không có cảnh mặt trời chiều hay bầu trời buổi sáng mùa thu hay buổi trưa mùa hè. Người quan sát không hề linh động hóa cảnh vật, chỉ ghi nhận chuyện xảy ra trước mắt. Một nhận thức đơn thuần. Nó như vậy thì thấy như vậy.

Nhìn, quan sát sự vật với một tâm thoải mái, giản dị, trung thực, trực tiếp, đơn thuần, không thêm, không bớt, không có gì dư thừa cả.

Đây là phẩm tính trí tuệ và thẩm thấu của tâm. Khi ta phát triển được việc đơn thuần quan sát (lắng nghe, nhìn thấy một cách thoải mái và trung thực) đời ta sẽ thay đổi cái nhìn, cái nghe, cách suy nghĩ v.v....

Ngôn từ của thời đại là sống tỉnh thức trong giây phút hiện tại. Sống trọn vẹn với hiện tại thì không còn bị chi phối bởi không gian và thời gian.

Tư tưởng Biến - Hóa - Thăng hoa - Hòa đồng là *ngọn hải đăng* của ông cha ta truyền lại, chỉ dạy con cháu con đường thực hiện cuộc cách mạng tâm linh.

Trở về với chính mình với nếp sống tỉnh thức, qua quá trình học ăn, học nói, học gói, học mở, với định *hướng chuyển hóa tâm thức*, thay đổi cái nhìn (thấy đúng) sống an nhiên tự tại, thể hiện tình thương (thương người như thể thương thân) và trí tuệ (khôn cũng chết, dại cũng chết, biết thì sống) trong đời sống hằng ngày để thăng hoa cuộc sống và con người. Thăng hoa mãi như Tiên Rồng, như nước bốc hơi, tạo cho mình sự hòa hợp thân tâm cùng sự hội nhập, hòa đồng cùng vũ trụ.

Vĩnh Như
Tủ Sách Việt Thường
www.tusachvietthuong.org